

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ- ST

Ngày: 06/01/2021

V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Thái Dìn

2. Ông Cao Văn Quỳnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Bà Bùi Thị Bích – Kiểm sát viên

Trong ngày 06 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2020/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 01 tháng 12 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2020/QĐ-ST, ngày 17/12/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H - Sinh năm: 1980

HKTT: Thôn T, Xã Th, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện tại: Làng Đ, xã L, huyện Ng, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Trương Xuân V – Sinh năm: 1983

Trú tại: Thôn Tr, xã Th, huyện C, Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, quá trình làm việc và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Chị và anh Trương Xuân V kết hôn năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Th. Hai bên lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu. Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc được 1 thời gian, đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh V không quan tâm đến gia đình, vợ con, vợ chồng

không có tiếng nói chung. Mặc dù cả hai đã cố gắng nhưng không thể hòa hợp được, cả hai đã ly thân nhau. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh V.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Trương Xuân X – Sinh ngày 29/10/2007; Trương Quốc V – Sinh ngày: 16/10/2014. Nếu anh V muốn nuôi cả hai con, tôi nhất trí giao 2 con cho anh V nuôi dưỡng.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Trương Xuân V: Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 19/10/2020 anh V trình bày: Về hôn nhân, nhất trí với phần trình bày của chị H. Tuy nhiên vì thương con cái nên anh V không thống nhất ly hôn, anh muốn chị H suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ với nhau.

Về con chung: Anh V thống nhất vợ chồng có 02 con chung là Trương Xuân X – Sinh ngày 29/10/2007; Trương Quốc V – Sinh ngày: 16/10/2014. Anh không muốn ly hôn nhưng nếu chị H nhất quyết đòi ly hôn, anh đề nghị được nuôi cả hai con. Không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 2 điều 227; khoản 1 Điều 228 và điều 273 - Bộ luật TTDS. Căn cứ vào các điều 51; điều 56; điều 81; điều 82 và điều 83 – Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a, khoản 5 điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị xử cho chị H được ly hôn anh V. Đề nghị giao 2 con cho anh V nuôi dưỡng và buộc chị H phải chịu án phí DSST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; căn cứ vào các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị H làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với bị đơn anh Trương Xuân V có hộ khẩu thường trú tại: Thôn Trảy, xã Cẩm Thạch, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân huyện C, quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Giấy triệu tập, Thông báo phiên hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bà Trương Thị S, (mẹ đẻ anh V). Qua xác minh, gia đình (bà S) và chính quyền địa phương cho biết: Anh Trương Xuân V vẫn có hộ khẩu thường trú tại Thôn Tr, xã Th, hiện anh đang đi làm ăn ở đâu không rõ, thỉnh thoảng anh vẫn về nhà, nhưng anh không đến Tòa làm việc, bà S đã điện báo cho anh V biết lịch làm việc của Tòa án, nay anh V vẫn vắng mặt không có lý do. Chị Phạm Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 điều 227, điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh V, chị H.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về Hôn nhân: Chị H và anh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện C, Thanh Hóa, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 9 – Luật hôn nhân gia đình. Quá trình chung sống, chị H và anh V phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã nhau. Mặc dù hai bên đã cố gắng chung sống hòa thuận nhưng không được. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Trương Xuân V không đồng ý ly hôn, nhưng không có thiện chí hợp tác, không đến tham gia phiên hòa giải, không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ hay biện pháp gì để cải thiện đời sống chung của vợ chồng, hiện nay vợ chồng vẫn sống ly thân. Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị được giải quyết ly hôn, vì vậy cần áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Trương Xuân V là phù hợp.

Về con chung: Chị H và anh V có 02 con chung là Trương Xuân X – Sinh ngày 29/10/2007; Trương Quốc V – Sinh ngày: 16/10/2014. Chị H đồng ý giao 2 con cho anh V nuôi dưỡng. Anh V cũng đề nghị được nuôi 2 con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/11/2020 cháu Trương Xuân X trình bày hiện nay cháu và em Trương Quốc V đang ở với bố và ông bà nội, nay cháu nguyện vọng được ở với bố và ở cùng em V. Vì vậy nên giao cháu Trương Xuân X và Trương Quốc V cho anh V nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại các điều 81 – Luật Hôn nhân và gia đình. Anh V không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

Về tài sản, công nợ: chị H, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 1 điều 96; điểm b khoản 2 điều 227; điều 228 - Bộ luật TTDS. Căn cứ vào các điều 51; điều 56; điều 81; điều 82 và điều 83 – Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a, khoản 5 điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Phạm Thị H. Xử cho chị H được ly hôn anh V. Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh V chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao cháu Trương Xuân X – Sinh ngày 29/10/2007; Trương Quốc V – Sinh ngày: 16/10/2014 cho anh V nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh V không yêu cầu chị Huệ cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí DSST, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ, đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0003397, ngày 06/10/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C..

Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị H, anh Trương Xuân V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS H.C;
- UBND xã Th;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Dung